

**KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC SỬ DỤNG CÂY THUỐC, BÀI THUỐC  
CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC BRU - VÂN KIỀU  
TẠI HUYỆN QUẢNG NINH - TỈNH QUẢNG BÌNH**

**Nguyễn Thị Tố Duyên**

**Đào Văn Châu**

**Phạm Văn Năm**

*Trung tâm Nghiên cứu Dược liệu Bắc Trung Bộ*

*Email: phamvannamttk10@gmail.com*

*Ngày nhận bài (received): 03/09/2025*

*Ngày nhận bài sửa (revised): 22/9/2025*

*Ngày nhận đăng (accepted): 01/10/2025*

**Tóm tắt**

Công tác bảo tồn, khai thác, phát triển bền vững nguồn gen và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc, bài thuốc của 54 dân tộc anh em là rất cần thiết. Đồng bào dân tộc Bru-Vân kiều là một trong những dân tộc lâu đời nhất ở vùng Trường Sơn, ngoài bản sắc dân tộc với tập quán lâu đời vốn kiến thức về việc sử dụng các bài thuốc dân gian là vô cùng phong phú. Huyện Quảng Ninh là một trong những huyện có thành phần dân tộc Bru-Vân Kiều lớn của tỉnh Quảng Bình, việc bảo tồn tri thức sử dụng cây thuốc bài thuốc là một trong nhiệm vụ rất cần thiết. Kết quả điều tra, sưu tầm cây thuốc, bài thuốc trong huyện cho thấy: tại 02 xã có thành phần dân tộc Bru-vân Kiều chiếm ưu thế có 29 bài thuốc dân gian được lưu truyền và sử dụng phổ biến tập trung vào các nhóm bệnh như gan, thận, xương khớp. Có 25 loài cây dược liệu được sử dụng phổ biến trong các bài thuốc dân gian, có sự đa dạng về dạng sống với nhóm cây thân thảo và thân gỗ chiếm tỷ lệ cao nhất đạt 60%, 32%.

**Từ khóa:** Bru-Vân Kiều, bảo tồn cây thuốc, đa dạng loài, huyện Quảng Ninh

**Survey and evaluation of the use of medicinal plants and remedies of the Bru-Van Kieu ethnic community in Quang Ninh districts - Quang Binh province**

*Abstract*

*The work of preserving, exploiting and sustainably developing genetic resources and experience in using medicinal plants and remedies of 54 ethnic groups in Vietnam is highly necessary. The Bru-Van Kieu ethnic group is one of the oldest ethnic groups in the Truong Son region. In addition to their ethnic identity and long-standing customs, their knowledge of traditional medicinal practices is extremely rich. Quang Ninh district is one of the districts with a large proportion of Bru-Van Kieu ethnic group in Quang Binh province. Therefore, preserving knowledge related to the use of medicinal plants and folk remedies is an essential task. The results of the investigation and collection of medicinal plants and remedies in the district show that in two communes dominated by the Bru-Van Kieu ethnic group, there are*

29 folk remedies that have been passed down and commonly used, mainly for the treatment of liver, kidney, and bones and joints diseases. A total of 25 medicinal plant species commonly used in folk medicine, exhibiting diverse life forms, with herbaceous and woody plants accounting for the highest proportion, at 60% and 32% respectively.

*Keywords: Bru-Van Kieu, medicinal plant conservation, species diversity, Quang Ninh district.*

### 1. Đặt vấn đề

Đồng bào các dân tộc Việt Nam đã có bề dày lịch sử về việc sử dụng cây cỏ để làm thuốc trên 4000 năm lịch sử, tri thức về cây thuốc được lưu truyền từ đời này sang đời khác con người đã biết sử dụng các loài cây cỏ có sẵn làm thuốc chữa bệnh và bồi bổ sức khỏe. Cho đến nay kho tàng kiến thức và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của nhân loại ngày càng trở nên phong phú và đa dạng [Phạm Hoàng Hộ, 2000].

Cây thuốc dân tộc và tri thức bản địa trong sử dụng cây thuốc có vai trò rất quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe cho đồng bào các dân tộc thiểu số, đặc biệt là các cộng đồng sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện đi lại rất khó khăn. Trong các cộng đồng dân tộc thiểu số có ông lang, bà mẹ biết cách sử dụng cây thuốc bản địa để chữa bệnh, nhiều trường hợp rất hiệu quả. Từ chấn thương phần mềm, gãy xương, rắn cắn, sản phụ, bệnh trẻ em, bệnh ở gan, thận....

Trong những năm gần đây, thực trạng khai thác và sử dụng không gắn liền với bảo tồn đã và đang làm suy giảm nghiêm trọng nguồn tài nguyên rừng nói chung và nguồn tài nguyên dược liệu nói riêng. Quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đang từng ngày dẫn đến thực trạng người trẻ không muốn kế thừa và phát huy vốn bản sắc dân tộc trong đó có tri thức sử dụng thuốc. Theo điều tra tri thức sử dụng cây thuốc bài thuốc YHCT tại Thanh Hóa và Nghệ An cho thấy đa phần vốn kiến thức chữa bệnh và sử dụng cây thuốc đều thuộc vào nhóm cao tuổi, nhóm tuổi trẻ hơn chiếm một tỷ lệ rất ít. Như vậy, việc điều tra bảo tồn tri thức sử dụng cây thuốc, bài thuốc của đồng bào dân tộc là rất cần thiết.

Theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở toàn quốc năm 2019, trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, dân tộc Bru - Vân Kiều với 94.598 người sinh sống chủ yếu ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên thuộc miền tây các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Quảng Bình. Dân tộc Bru - Vân Kiều có nguồn gốc và được coi là một trong những dân tộc lâu đời nhất ở vùng Trường Sơn. Người dân Bru - Vân kiều cư trú thành các làng bản, sinh sống gần các khu rừng nơi mà gắn liền với phong tục và tập quán của họ. Với bề dày lịch sử lâu đời, dân tộc Bru- Vân kiều là một trong những dân tộc thiểu số có vốn tri thức y học cổ truyền tiêu biểu và đặc sắc.

Huyện Quảng Ninh là một trong 03 huyện có tỷ lệ đồng bào dân tộc Bru - Vân Kiều sinh sống. Theo điều tra dân số năm 2022 của Tổng cục thống kê, tại Quảng Bình có 34 dân

tộc sinh sống. Trong số các dân tộc thiểu số đang sinh sống, đồng bào dân tộc Bru- Vân kiều chiếm tỷ lệ áp đảo với gần 19 nghìn người đang sinh sống tập trung tại các huyện Quảng Ninh, Minh Hóa, Bố Trạch và Lệ Thủy. Xuất phát từ những lý do trên nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra và kết quả thực hiện hoạt động: **“Điều tra khảo sát tri thức sử dụng cây thuốc, bài thuốc của đồng bào dân tộc Bru - Vân Kiều tại huyện Quảng Ninh - tỉnh Quảng Bình”**.

## **2. Nội dung và phương pháp**

### **2.1. Đối tượng nghiên cứu**

Các loài cây thuốc, bài thuốc của đồng bào dân tộc Bru - Vân Kiều tại huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

### **2.2. Thời gian, địa điểm nghiên cứu**

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 3/2025 đến tháng 06/2025

- Địa điểm nghiên cứu: Các xã thuộc huyện Quảng Ninh - tỉnh Quảng Bình

### **2.3. Phương pháp nghiên cứu**

- *Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp*

Thu thập và sử dụng các số liệu, thông tin làm cơ sở cho nghiên cứu từ các nguồn tài liệu sách, website tham khảo, báo báo hoặc bài báo nghiên cứu về địa điểm và các vấn đề liên quan đến nghiên cứu.

- *Phương pháp điều tra, thu thập thông tin sơ cấp*

+ Thiết kế phiếu điều tra và phỏng vấn. Sử dụng phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của cộng đồng người dân tộc điều tra (PRA). Trong đó, phỏng vấn người dân tộc Thái có nhiều kinh nghiệm, kiến thức về sử dụng cây thuốc, bài thuốc y học cổ truyền, y học dân gian như: các lương y ở các nhà thuốc nam, những người chữa bệnh cho người dân tại địa phương (ông lang, bà mế); các thầy bốc thuốc nam ở các chùa, các già làng, trưởng bản; những người đi thu hái thuốc, các hộ trồng và kinh doanh, buôn bán cây thuốc tại địa phương... với bộ câu hỏi đã soạn thảo được ghi thành phiếu điều tra cây thuốc và phiếu điều tra bài thuốc.

+ Dựa vào kết quả điều tra, thu thập về tri thức bản địa cây thuốc và bài thuốc của các dân tộc thiểu số, tiến hành phân tích và đánh giá về đa dạng thành phần loài, bộ phận sử dụng và công dụng theo hướng dẫn của Thông tư số 19/2018/TT-BYT, [Đỗ Tất Lợi, 2013], [Nguyễn Tập, 2001]. Áp dụng khung phân hạng mới của IUCN-1994 để đánh giá tình trạng bị đe dọa đối với các loài cây thuốc cần bảo tồn ở Việt Nam hiện nay.

## **3. Kết quả và thảo luận**

### **3.1. Đặc điểm tự nhiên - xã hội tại các khu vực nghiên cứu**

#### **3.1.1. Đặc điểm tự nhiên của huyện Quảng Ninh**

Huyện Quảng Ninh nằm ở phía nam giáp huyện Lệ Thủy, phía bắc giáp thành phố Đồng Hới và huyện Bố Trạch, phía đông giáp biển, phía tây là dãy Trường Sơn. Huyện Quảng Ninh có tổng diện tích là 1.194km<sup>2</sup>, theo thống kê của Tổng cục thống kê năm 2019, toàn huyện có hơn 90 nghìn người

### 3.1.2. Đặc điểm xã hội - dân số

Theo thống kê của ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình năm 2019, huyện Quảng Ninh là một trong 03 huyện trong tỉnh tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Có 03 dân tộc chiếm tỷ lệ cao nhất đó là: Bru-Vân Kiều, Chứt.

Theo tổng hợp của phòng thống kê huyện, tính đến năm 2025 phân bố đồng bào Bru-Vân Kiều tại mỗi xã trong huyện có nhiều sự khác biệt:

**Bảng 1. Phân bố dân cư tại huyện Quảng Ninh**

STT	Huyện	Xã/Thị trấn	Tổng dân số	
			Dân tộc khác	Bru - Vân Kiều
1	Quảng Ninh	Xã Vĩnh Ninh	7.780	-
2		Xã Võ Ninh	10.445	-
3		Xã Gia Ninh	8.926	-
4		Xã An Ninh	10.592	-
5		Xã Vạn Ninh	8.212	-
6		Xã Hiền Ninh	8.259	-
7		<b>Xã Trường Sơn</b>	<b>3.398</b>	<b>5.390</b>
8		TT Quán Hàu	10.771	-
9		Xã Hải Ninh	7.010	-
10		Xã Tân Ninh	6.054	-
11		Xã xuân Ninh	8.216	-
12		Xã Duy Ninh	7.913	-
13		Xã Hàm Ninh	6.867	-
14		<b>Xã Trường Xuân</b>	<b>1.854</b>	<b>3.009</b>

Qua bảng 1, Từ các số liệu dân cư thu thập được trên địa bàn hai huyện, chúng tôi nhận thấy đồng bào dân tộc Bru - Vân Kiều sinh sống và phân bố không đồng đều tại các xã. Cụ thể, các xã có số lượng đồng bào người dân tộc sống và tập chung chủ yếu tại 02 xã là xã Trường Sơn và xã Trường Xuân với dân số lần lượt là 5.390 và 3.009 người. Từ những kết quả thu thập tình hình phân bố dân tộc Bru - Vân Kiều trên địa bàn huyện Quảng Ninh, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn 2 xã trên là nơi sinh sống của đồng bào dân tộc Bru-Vân Kiều làm địa điểm điều tra và khảo sát.

### 3.2. Kết quả điều tra việc sử dụng cây thuốc của cộng đồng dân tộc Bru - Vân Kiều tại huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

#### 3.2.1: Danh lục cây thuốc thông dụng

Qua điều tra tri thức sử dụng cây thuốc và bảo tồn cây thuốc của cộng đồng dân tộc Bru - Vân Kiều tại huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình cho thấy: Cộng đồng dân tộc Bru -

Vân Kiều tại một số xã thuộc huyện Quảng Ninh có tri thức sử dụng cây thuốc chữa bệnh rất phong phú. Kết quả đã ghi nhận được 25 loài cây thuốc thuộc các họ thực vật khác nhau được sử dụng phổ biến để chữa bệnh.

**Bảng 2. Danh lục cây thuốc thông dụng**

Stt	Tên địa phương	Tên phổ thông	Tên khoa học
1	Tăm	Hành tăm	<i>Allium schoenoprasum</i> L.
2	Pạt ki	Húng chanh	<i>Plectranthus amboinicus</i> (Lour.) Spreng.
3	Sài đất	Sài đất	<i>Wedelia calendulacea</i> (L.) Less
4	Pạt Khôi	Khôi tía	<i>Ardisia sylvestris</i> Pitard
5	Săng xé	Húng chanh	<i>Plectranthus amboinicus</i> (Lour.) Spreng.
6	Pạt cân Giên	gai	<i>Boehmeria nivera</i> (L.) Gaudich
7	Pạt Long Le	Đinh lăng	<i>Tieghemopanax fruticosus</i> Vig.
8	Pạt Hoa Lá	Huyết dụ	<i>Cordyline fruticosa</i> (L.) Goepp
9	Pạt Sloc tơ	Ý dĩ	<i>Coix lachryma-jobi</i> L
10	Pạt Pray	Trinh nữ	<i>Crinum latifolium</i> L.
11	Pạt lặc lất	Náng hoa trắng	<i>Crinum asiaticum</i> L.
12	Pạt có là	Lưỡi hổ xanh	<i>Sansevieria guineensis</i> Willd
13	Pạt xạ đen	Xạ đen	<i>Ehretia asperula</i> Zoll.et Mort.
14	Hoàn ngọc	Xương khi	<i>Clinacanthus nutans</i>
15	Poko	Kim tiên thảo	<i>Desmodium styracifolium</i> (Osbeck) Merr.
16	Tô cộc	Tô mộc	<i>Caesalpinia sappan</i> L.
17	Sống đời	Sống đời	<i>Kalachoe pinnata</i> (Lam.) Pers
18	Ngải ngải	Ngải cứu	<i>Artemisia vulgaris</i> L.
19	Can pan	Xạ can	<i>Belamcanda chinensis</i> (L.) DC.
20	Rau má	Rau má	<i>Centella asiatica</i> (L.) Urb.
21	Pạt mực	Nhọ nôi	<i>Eclipta prostrata</i> L.
22	Co pa	Gấc	<i>Momordica cochinchinensis</i> (Lour.) Spreng.
23	Pạt ra Sray	Cỏ máu	<i>Sargentodoxaceae</i>
24	Pạt xàng hạt	Hà thù ô	<i>Reynoutria multiflora</i> (Thunb.) Moldenke
25	Pơ leo	Cà gai leo	<i>Solanum hainanense</i> Hance

Kết quả bảng 2 cho thấy, sự đa dạng trong việc sử dụng cây thuốc của các ông lang, bà mẹ đã sử dụng. Qua điều tra thu thập thông tin dựa trên các bài thuốc đã thu thập được tại 2 xã có tỷ lệ người Bru - Vân Kiều cao nhất, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp được 25 loài cây thuốc thông dụng được dùng phổ biến.

### 3.2.2. Đa dạng về bộ phận sử dụng

**Bảng 3. Đa dạng về bộ phận sử dụng làm thuốc**

Stt	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Cả cây	10	40
2	Lá	10	40
3	Quả/hạt	2	8
4	Củ,rễ	3	12

Thực vật nói chung và cây dược liệu nói riêng, mỗi loài đều có một đặc điểm riêng giúp phân biệt với các loài còn lại. Trong các loài cây dược liệu bộ phận thường được sử dụng làm thuốc như: Thân, lá, rễ, hoa, quả, thậm chí một số loài có thể sử dụng toàn bộ cây để chế biến thuốc. Qua điều tra thu thập chúng tôi nhận thấy, tới 40% số lượng cây thuốc được sử dụng trong bài thuốc là sử dụng toàn bộ cây để chế biến, tiếp đến là nhóm cây sử dụng lá trong các bài thuốc chiếm 40%, sử dụng củ/rễ chiếm 12%, nhóm cây sử dụng quả và hạt trong các bài thuốc chiếm tỷ lệ rất ít đạt 8%.

### 3.2.3. Đa dạng về dạng sống

**Bảng 4. Đa dạng về dạng sống**

Stt	Dạng sống	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Thân gỗ	8	32
2	Thân thảo	15	60
3	Thân leo	2	8

Qua điều tra dạng sống là hình thái sinh tồn ngoài tự nhiên đặc trưng cho loài, biểu hiện sự thích nghi với môi trường xung quanh. Trong số 25 loài cây thuốc trên, nhóm cây thuốc thân thảo chiếm tỷ lệ nhiều nhất với 60%, tiếp đến là nhóm cây thân gỗ với 32%, sau đó là thân leo tỷ lệ là 8%. Kết quả điều tra này cũng tương đồng với một số nghiên cứu về tình hình sử dụng cây thuốc bài thuốc của đồng bào dân tộc Thái tại tỉnh Nghệ An [Nguyễn Trọng Chung, 2024]

### 3.2.4. Đa dạng về môi trường sống

**Bảng 5. Đa dạng về môi trường sống**

STT	Môi trường sống	Số lượng loài	Tỷ lệ (%)
1	Ven suối ẩm	5	20
2	Trong đồi, dưới tán	15	60
3	Vườn nhà	5	20

Qua bảng 5, chúng tôi nhận thấy với 25 loại cây thuốc hay dùng trong các bài thuốc thì môi trường sống tập trung với 03 sinh cảnh mà đa số là nhóm sống trong đồi và dưới tán chiếm 60%, nhóm còn lại chủ yếu tập trung tại vườn nhà và ven khu vực sông suối đều là 5%.

### 3.2.5. Đa dạng về giá trị làm thuốc

**Bảng 6. Đa dạng về giá trị làm thuốc**

STT	Giá trị làm thuốc	Số lượng loài	Tỷ lệ (%)
1	Bệnh cảm sốt, cảm cúm, nhức đầu	5	20
2	Bệnh ngoài da	5	20
3	Bệnh lý về gan	6	24
4	Bệnh lý về thận	2	12
5	Xương khớp	4	16
6	Tiêu viêm, giảm đau	2	8

Qua bảng 6, chúng tôi nhận thấy với 6 nhóm công dụng chính của các cây thuốc phổ biến mà đồng bào dân tộc Bru-Vân Kiều hay sử dụng, tập trung chính vào nhóm công dụng trị gan chiếm 24%, sau đó đến nhóm cây có tác dụng điều trị các bệnh cảm cúm và bệnh ngoài da với tỷ lệ là 20%, thấp nhất là nhóm tiêu viêm, giảm đau chiếm 8%. Như vậy, không chỉ đa dạng về thành phần loài mà với 25 cây thuốc thông dụng cũng đã thể hiện rõ mức độ đa dạng trong tác dụng điều trị.

### 3.3. Kết quả điều tra tri thức sử dụng bài thuốc của đồng bào dân tộc Bru-Vân Kiều tại các điểm điều tra

Một trong những nội dung quan trọng trong nghiên cứu đó là điều tra khảo sát bài thuốc dân gian mà cộng đồng dân tộc Bru-Vân Kiều thường hay sử dụng. Bằng các phiếu thông tin, nhóm nghiên cứu kết hợp với hội đồng y, trạm y tế các xã đến tận nơi, tận nhà các Lang y, tìm hiểu sưu tầm được một số bài thuốc:

**Bảng 7. Đa dạng về giá trị sử dụng của các bài thuốc cổ truyền**

Stt	Tên bài thuốc	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Sỏi thận	4	14
2	Gan	8	27
3	Sỏi mật	5	17
4	Viêm da	4	14
5	Hô hấp	2	4
6	Xương khớp	6	21

Qua bảng 7, chúng tôi nhận thấy, với tổng 29 bài thuốc được chia theo 06 nhóm bệnh phổ biến. Trong đó nhóm các bài thuốc chữa bệnh về gan, sỏi thận/mật và xương khớp chiếm một số lượng lớn nhất, tiếp theo đó là các nhóm hô hấp, viêm da.

Trong những năm gần đây, các bệnh liên quan đến gan, thận, khớp ngày một gia tăng nên trước nhu cầu chữa bệnh của người dân nhóm các bài thuốc liên quan đến nhóm bệnh trên có số lượng cao hơn hẳn các nhóm bệnh còn lại.

So với một số nghiên cứu trước trước đó của Nguyễn Trọng Chung và công sự thực hiện trên đồng bào dân tộc Thái ở huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, ta có nhận thấy mức độ đa dạng của các bài thuốc của đồng bào Bru-Vân kiều là không cao tập trung chủ yếu vào các bệnh lý xương khớp và gan.

**Bảng 8. Đa dạng về cách sơ chế**

Stt	Cách sơ chế	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Sắc uống	22	76
2	Đắp ngoài da	3	10
3	Các hình thức khác	4	14

Để phát huy hết tác dụng của các loại cây thuốc, ngoài việc kết hợp đúng các cây thuốc vị thuốc, một phần hết sức quan trọng đó là cách sơ chế và sử dụng. Theo thống kê trên, các

bài thuốc dân gian sưu tầm được chủ yếu sử dụng bằng cách sắc uống chiếm 76% số lượng bài thuốc đã sưu tầm được, các hình thức khác cũng có nhưng số lượng không đáng kể.

#### 4. Kết luận

Qua điều tra thu thập thông tin cây thuốc bài thuốc đồng bào dân tộc Bru-Vân Kiều tại huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Nhóm nghiên cứu đã sưu tầm và tổng hợp được 29 bài thuốc dân gian và 25 loài cây thuốc thông dụng được sử dụng phổ biến trong các bài thuốc. Các bài thuốc dân gian của dân tộc Bru-Vân Kiều tập trung vào các bệnh lý về gan và xương khớp với tỷ lệ lần lượt là 27%, 21%. Các cây thuốc sử dụng trong các bài thuốc cũng rất đa dạng và phong phú tập trung chủ yếu ở nhóm cây thân thảo với tỷ lệ 60% tiếp đến là nhóm thân gỗ là 32%, cuối cùng là nhóm thân leo. Bộ phận sử dụng của các cây thuốc trong bài thuốc cũng rất đa dạng tập trung chủ yếu ở các bộ phận thân, lá; riêng một số bộ phận khác như củ và quả thì ít được sử dụng

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đỗ Tất Lợi, 2013, *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Hồng Đức
- Nguyễn Tập, 2001, Áp dụng khung phân hạng mới của IUCN-1994 để đánh giá tình trạng bị đe dọa đối với các loài cây thuốc cần bảo tồn ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Dược liệu*, 6 (2+3): 42 - 45.
- Phạm Hoàng Hộ, 2000, *Cây cỏ Việt Nam*, NXB Trẻ.
- Viện Dược liệu, 2016, *Danh lục cây thuốc Việt Nam*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, 1991 trang
- Nguyễn Trọng Chung và cộng sự, 2024, Khảo Sát, Đánh Giá Việc Sử Dụng Cây Thuốc, Bài Thuốc Của Đồng Bào Dân Tộc Thái Tại Huyện Quế Phong Và Tương Dương - Tỉnh Nghệ An. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Hồng Đức*, số: 07A-10.2024.

## THẺ LỆ

### GỬI BÀI ĐĂNG TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

1. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hà Tĩnh nhận đăng các công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài trường về các lĩnh vực khoa học và công nghệ chưa công bố ở bất kỳ Tạp chí nào.

2. Mỗi bài viết dài không quá 08 trang (kể cả bảng biểu, biểu đồ thị, tài liệu tham khảo) đánh máy vi tính trên khổ giấy A4 theo yêu cầu sau:

Bản thảo trình bày sử dụng phần mềm Microsoft Word từ 2007, phông chữ: Times New Roman (Unicode), cỡ chữ: 12pt; giãn dòng 1.2 cm; căn lề: trên: 2,5cm; dưới: 2,5cm; trái: 3cm; phải: 2cm sắp xếp các đề mục theo thứ tự sau: tên bài báo; tóm tắt bài báo trình bày bằng tiếng Việt; Từ khóa tiếng Việt; tên bài báo dịch sang tiếng Anh viết thường, in đậm; tóm tắt bài báo dịch sang tiếng Anh và Key words tối thiểu 5 từ hoặc cụm từ.

Các ký hiệu, công thức phải rõ ràng, chuẩn xác, có tên và chú thích đầy đủ, có đánh số thứ tự và chỉ rõ vị trí trong nội dung bài viết; số của công thức ở phía bên phải; tên hình vẽ, ảnh và đồ thị đặt ở giữa phía dưới, tên bảng biểu đặt ở giữa phía trên.

Nội dung bài báo phải được trình bày rõ ràng, mạch lạc; sử dụng chính xác các thuật ngữ khoa học; đánh số thứ tự các nội dung nghiên cứu chính; chỉ rõ các tài liệu tham khảo để trong ngoặc [ ] theo tên tác giả, năm xuất bản.

3. Tài liệu tham khảo để ở cuối mỗi bài viết, không đánh số thứ tự và sắp xếp theo thứ tự ABC theo họ có đầy đủ các thông tin sau:

- Đối với sách, luận án, báo cáo: Họ và tên tác giả hoặc tên cơ quan ban hành (năm xuất bản), tên sách, luận án, báo cáo (in nghiêng), nhà xuất bản (NXB), nơi xuất bản, tái bản lần thứ mấy (nếu có); Tài liệu tham khảo là đường dẫn trên Internet xếp ở cuối danh mục.

- Đối với bài báo trong tạp chí hoặc bài trong một cuốn sách: Họ và tên tác giả (năm công bố), tên bài báo (trong ngoặc kép), tên tạp chí hoặc tên sách (in nghiêng), tập (không có dấu ngăn cách), số (đặt trong ngoặc đơn), các số trang đầu-cuối (gạch ngang giữa hai số).

Tất cả đều viết bằng tiếng của nước đã xuất bản phẩm, không phiên âm, chuyên ngữ hoặc dịch, được xếp riêng theo từng ngôn ngữ.

4. Ban biên tập chỉ nhận những bài được trình bày đúng quy định và chỉ nhận qua email của Tạp chí: [tapchikhoahoc@htu.edu.vn](mailto:tapchikhoahoc@htu.edu.vn) (Lưu ý: không gửi qua Email cá nhân). Toà soạn không làm lại chế bản cho các hình vẽ.

5. Tác giả gửi bài viết đến Ban biên tập gồm 02 bản in trên giấy và 01 file điện tử. Các tác giả ở xa có thể gửi bài theo đường bưu điện hoặc Email.

6. Toà soạn không gửi lại bài nếu bài không được đăng. Trong trường hợp bài phải gửi lại để tác giả sửa chữa thêm thì ngày nhận bài sẽ là ngày nhận bản thảo hoàn chỉnh.

7. Để tiện liên hệ, tác giả cần ghi địa chỉ, chức danh khoa học, số điện thoại vào cuối bài.

Địa chỉ liên hệ: Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hà Tĩnh, Tầng 4, Tòa nhà 15 tầng, Trường Đại học Hà Tĩnh, xã Cẩm Bình, tỉnh Hà Tĩnh.

**HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**